

ÁP DỤNG ÁN LỆ TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Nhung¹
Nguyễn Lê Mỹ Kim²

Tóm tắt: Hiện nay, việc sử dụng án lệ để bổ khuyết cho khoảng trống của pháp luật không chỉ ngày càng phổ biến trong hoạt động xét xử của Tòa án mà còn được vận dụng trong việc giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài. Trong phạm vi bài viết này, ngoài việc trình bày, phân tích vai trò, ý nghĩa của việc áp dụng án lệ trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, tác giả còn phân tích và bình luận về thực tiễn áp dụng án lệ theo phương thức này, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện việc áp dụng án lệ trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Từ khóa: Án lệ, trọng tài, giải quyết tranh chấp, giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, Luật Trọng tài thương mại năm 2020.

Nhận bài: 17/12/2021; Hoàn thành biên tập: 23/12/2021; Duyệt đăng: 19/01/2022.

Abstract: Currently, the use of case law to fill in the gaps of the laws has not only become popular in the Court's adjudication guidelines but also applied in the settlement of disputes by way of Arbitration. Within the scope of this article, not only presenting and analyzing the role and meaning of case law in resolving disputes by Arbitration, the author also provides an analysis of and comments on the practical application of case law in resolving disputes by this method, thereby proposing some solutions to ensure the application of case law in dispute settlement by Arbitration.

Keywords: Case law, Arbitration, dispute resolution, dispute resolution by Arbitration, Law on Commercial Arbitration of 2010.

Date of receipt: 17/12/2021; Date of revision: 23/12/2021; Date of Approval: 19/01/2022.

1. Khái quát về áp dụng án lệ trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Với sự biến động không ngừng của các quan hệ xã hội, quy phạm pháp luật thành văn khó có thể dự liệu hết được tất cả các tình huống pháp lý mới phát sinh. Trong trường hợp này, án lệ được sử dụng như là một phương tiện hữu hiệu để bù đắp những khoảng trống của pháp luật. Nói cách khác, những vấn đề mà các văn bản pháp luật không điều chỉnh hoặc có điều chỉnh nhưng không rõ ràng thì cơ quan giải quyết tranh chấp có quyền áp dụng án lệ để xét xử.

Cho đến thời điểm hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đã công bố 43 án lệ, trong đó có 7 án lệ về hình sự, 23 án lệ về dân sự, 8 án lệ về kinh doanh thương mại, 1 án lệ lao động, 2 án lệ tố tụng dân sự và 2 án lệ về hành chính³. Các án lệ này đã “gỡ rối” nhiều vấn đề pháp lý, đặc

biệt trong lĩnh vực tranh chấp dân sự theo nghĩa rộng, giúp thống nhất đường lối xét xử của các cơ quan tài phán. Nghị quyết số 04/2019/NQ – HĐTP ngày 18/6/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ, Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP đã đề ra các tiêu chí để lựa chọn án lệ (Điều 2 Nghị quyết) và nguyên tắc áp dụng án lệ trong xét xử (Điều 8 Nghị quyết). Cụ thể, sau 30 ngày án lệ được công bố, khi tiến hành xét xử, Tòa án phải nghiên cứu và áp dụng án lệ, bảo đảm những vụ việc có tình huống pháp lý tương tự thì phải được giải quyết như nhau. Trường hợp vụ việc có tình huống pháp lý tương tự nhưng Tòa án không áp dụng án lệ thì phải nêu rõ lý do trong bản án, quyết định của Tòa án⁴. Quy định này hướng tới mục đích thống nhất việc áp dụng

¹ Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

² Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

³ Quyết định số 50 / QĐ – CA về việc công bố án lệ, ngày 25 tháng 02 năm 2020.

⁴ Điều 8, Nghị quyết số 04/2019/NQ – HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ.



pháp luật trong xét xử cho những vụ việc có tính hướng pháp lý tương tự, nhằm đảm bảo thống nhất quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể, tạo môi trường pháp luật bình đẳng.

Với vai trò là cơ quan giải quyết tranh chấp tư linh hoạt, đề cao tự do ý chí của các bên trong tranh chấp, ngày càng nhiều các vụ việc được giải quyết tại trọng tài⁵. Do đó, không riêng Toà án, việc nghiên cứu áp dụng án lệ trong giải quyết tranh chấp bằng tổ tụng trọng tài cũng đã được đặt ra nhằm giải quyết tranh chấp được chính xác, nhanh chóng và dễ dàng hơn.

Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp thông qua bên thứ ba độc lập (Hội đồng trọng tài hoặc trọng tài viên) do các bên thỏa thuận, với kết quả giải quyết mang tính chất bắt buộc các bên phải thi hành. Tại Việt Nam, việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài phải thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

Về thẩm quyền của trọng tài, Điều 2 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Luật TTTM) đã quy định trọng tài có thẩm quyền giải quyết

các tranh chấp sau:

“1. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại.

2. Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó có ít nhất một bên có hoạt động thương mại.

3. Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài”.

Quy định trên cho thấy, ngoài giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đã mở rộng phạm vi giải quyết tranh chấp, không nhất thiết đối tượng tranh chấp phải phát sinh từ hoạt động thương mại hay các bên trong quan hệ tranh chấp đều thực hiện hoạt động thương mại⁶. Quy định này đã giúp giảm tải cho Tòa án rất nhiều trong giải quyết các tranh chấp dân sự⁷, cũng như mở rộng phạm vi thẩm quyền của trọng tài thương mại. Tuy nhiên, thẩm quyền này chỉ phát sinh khi có thỏa thuận trọng tài, được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp. Nguyên tắc này được phản ánh tại Điều 5 và Điều 6 Luật TTTM năm 2010⁸.

Về luật áp dụng giải quyết tranh chấp trong tổ tụng trọng tài, khoản 1 Điều 14 Luật TTTM năm 2010 quy định: “Đối với tranh

⁵ Từ khi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 có hiệu lực (01/01/2011) đến năm 2014, đã có 879 tranh chấp được giải quyết bằng cơ quan trọng tài. Riêng với Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), từ năm 2019 đến năm 2020 luôn duy trì tổng số vụ tranh chấp trên mức 200 vụ (Xem thêm: <http://dzungsrt.com/wp-content/uploads/2015/03/20150831-Du-thao-Tham-Luan-tong-ket-thi-hanh-LTTM-updated-clean.pdf>, https://www.viac.vn/images/Resources/Annual-Reports/2020/VIAC_Bao-cao-thuong-nien-2020_VI.pdf, truy cập ngày 13/11/2021).

⁶ Điều 3 Luật Thương mại năm 2005: “Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác”.

⁷ Xem thẩm quyền giải quyết tranh chấp về dân sự của Tòa án tại Điều 26, tranh chấp về kinh doanh, thương mại tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo đó, tranh chấp kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

⁸ Điều 5 Luật TTTM năm 2010 quy định về điều kiện giải quyết tranh chấp bằng trọng tài như sau: “1. Tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài nếu các bên có thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp. 2. Trường hợp một bên tham gia thỏa thuận trọng tài là cá nhân chết hoặc mất năng lực hành vi, thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với người thừa kế hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. 3. Trường hợp một bên tham gia thỏa thuận trọng tài là tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức, thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với tổ chức tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”.

Điều 6 Luật TTTM năm 2010 quy định: “Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được”.

chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp”. Khoản 2 Điều 6 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp không thể áp dụng tương tự pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này thì áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này, án lệ, lẽ công bằng”. Như vậy, các quy định này cho thấy trọng tài có quyền áp dụng án lệ để giải quyết các tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, bao gồm các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại, tranh chấp phát sinh trong đó có ít nhất một bên có hoạt động thương mại và tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài.

2. Thực tiễn áp dụng án lệ trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

2.1. Về cơ sở pháp lý

Như đã đề cập, Luật TTTM năm 2010 quy định theo hướng mở rộng thẩm quyền của trọng tài trong việc giải quyết các tranh chấp, không dừng lại ở khía cạnh giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại. Nhưng có lẽ tên gọi của luật là “Trọng tài thương mại” đã vô hình trung tạo nên lầm tưởng rằng trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại. Do vậy, trên thực tế, số lượng các tranh chấp giải quyết tại trọng tài vẫn chủ yếu là tranh chấp kinh doanh thương mại. Theo thống kê lĩnh vực giải quyết tranh chấp năm 2020 tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), lĩnh vực mua bán chiếm số lượng cao nhất với 103 vụ, chiếm 47% tổng số vụ, còn lĩnh vực xây dựng chiếm 14%, cho thuê chiếm 8%, lĩnh vực lao động (thỏa thuận bảo mật và không cạnh tranh) là 2%. Do đó, trong thực tiễn tố tụng trọng tài, án lệ được vận dụng để giải quyết nội dung tranh chấp là án lệ về kinh doanh thương mại, nhiều nhất là án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng

tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại. Đơn cử: Ở VIAC, Hội đồng trọng tài đã áp dụng Án lệ số 08/2016/AL để quyết định thời gian tính lãi suất trong hợp đồng dịch vụ. Trong vụ kiện khác, Hội đồng trọng tài đã áp dụng án lệ số 09/2016/AL để tính lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường bằng cách thu thập mức lãi suất nợ quá hạn của ít nhất 03 ngân hàng thương mại để giải quyết yêu cầu trả lãi chậm thanh toán trong hợp đồng dịch vụ.

Tuy nhiên, trên thực tế, cơ sở pháp lý cho việc áp dụng án lệ trong tố tụng trọng tài cũng vướng nhiều tranh cãi. Cụ thể:

Thứ nhất, nhiều quan điểm cho rằng để trọng tài áp dụng án lệ giải quyết nội dung tranh chấp là khiến cưỡng nếu không muốn nói là không có căn cứ để áp dụng⁹. Lý do cho lập luận này là dựa trên các quy định của Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ. Cụ thể, Điều 1 Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP quy định: “Án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố là án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử” và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này nêu rõ: “Khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm phải nghiên cứu, áp dụng án lệ, bảo đảm những vụ việc có tình huống pháp lý tương tự thì phải được giải quyết như nhau...”. Các quy định này cũng như toàn bộ Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP chỉ đề cập chủ thể áp dụng án lệ là Tòa án và không dẫn chiếu đến Trọng tài. Hơn nữa, Luật TTTM năm 2010 cũng không có quy định nào minh thị về việc cơ quan trọng tài có thể áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp.

⁹ ThS Luật sư Kiều Anh Vũ, Áp dụng án lệ số 09/2016/AL trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại tòa án và trọng tài, <https://www.kavlawyers.com/vi/ap-dung-an-le-09-2016-al-trong-giai-quyet-tranh-chap-kinh-doanh-thuong-mai-tai-toa-an-va-trong-tai/>, trang 9-10, truy cập ngày 12/11/2021.



Tác giả cho rằng lập luận phản đối về việc cơ quan trọng tài không có quyền áp dụng án lệ để xét xử là không có cơ sở. Bởi lẽ, như đã đề cập ở trên, trọng tài cũng phải áp dụng pháp luật Việt Nam để đưa ra phán quyết, nếu vụ án không có yếu tố nước ngoài¹⁰. Điều 6 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng đã quy định cụ thể. Như vậy, việc áp dụng án lệ của trọng tài để giải quyết tranh chấp là hoàn toàn hợp lẽ, đảm bảo thống nhất pháp luật trong xét xử, đảm bảo nguyên tắc Toà án không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết¹¹.

Thứ hai, phán quyết trọng tài là quyết định chung thẩm, không được kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày ban hành và ràng buộc đối với các bên (khoản 5 Điều 61 Luật TTTM năm 2010). Mặc dù vậy, phán quyết của trọng tài vẫn bị đối trọng, có khả năng bị huỷ bởi Toà án. Điều này cũng tạo nên tâm lý e ngại, liệu rằng phán quyết của trọng tài có khả năng bị Toà án huỷ bởi trọng tài đã áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp hay không.

Theo khoản 2 Điều 68 Luật TTTM, một trong các bên tranh chấp có quyền yêu cầu Toà án xem xét lại phán quyết trọng tài nếu có đủ căn cứ chứng minh Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- a) Không có thoả thuận trọng tài hoặc thoả thuận trọng tài vô hiệu;
- b) Thành phần Hội đồng trọng tài, thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thoả thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật này;
- c) Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài; trường hợp phán quyết trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài thì nội dung đó bị huỷ;
- d) Chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; Trọng tài viên nhận tiền, tài sản

hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài;

đ) Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”.

Trường hợp “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” được giải thích tại điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại như sau: Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam “là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam”.

Đối chiếu với các quy định trên cho thấy, không có cơ sở pháp lý nào để Toà án huỷ phán quyết của trọng tài vì lý do trọng tài áp dụng án lệ. Trên thực tế, kể từ khi án lệ chính thức được thừa nhận trong hệ thống pháp luật Việt Nam, chưa ghi nhận quyết định nào của Toà án về việc huỷ phán quyết trọng tài với lý do phán quyết của trọng tài có áp dụng án lệ¹².

2.2. Về xác định tình huống pháp lý tương tự áp dụng án lệ

Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP nêu rõ: “*Khi xét xử, thẩm phán, hội thẩm phải nghiên cứu, áp dụng án lệ, bảo đảm những vụ việc có tình huống pháp lý tương tự thì phải được giải quyết như nhau. Trường hợp vụ việc có tình huống pháp lý tương tự nhưng Toà án không áp dụng án lệ thì phải nêu rõ lý do trong bản án, quyết định của Toà án*”. Có thể thấy, điều kiện tiên quyết để viện dẫn án lệ đó là vụ án sau phải có tình huống pháp lý tương tự với tình huống pháp lý của án lệ vận dụng.

Tuy nhiên, cho đến hiện tại, chưa có quy định nào của pháp luật hướng dẫn như thế nào là tình huống pháp lý tương tự. Nhìn chung, có hai quan điểm chính về “tình huống pháp lý tương tự” là tương tự về “tình tiết” hay tương

¹⁰ Khoản 1 Điều 14 Luật TTTM năm 2010.

¹¹ Điều 6, Điều 68 Luật TTTM năm 2010.

¹² Hệ thống cổng thông tin điện tử của Toà án nhân dân tối cao (<https://congbobanan.toaan.gov.vn/>).

tự về “vấn đề pháp lý”¹³. Có thể thấy, điều kiện được áp dụng án lệ là phải tương tự về “tình tiết” rất khó xảy ra trên thực tế, vì mỗi vụ án ít nhiều đều chứa đựng các tình tiết pháp lý khác nhau theo quy luật vận động khách quan của sự vật, hiện tượng. Do đó, trên thực tế, tổ tụng toà án và tổ tụng trọng tài đều có thiên hướng áp dụng án lệ trong các vụ tranh chấp tương tự về “vấn đề pháp lý”. Hiểu theo khía cạnh này cũng phù hợp với sự sửa đổi quy định về án lệ của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Cụ thể, trước đây, Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ quy định tại khoản 2 Điều 8 như sau: *“Khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm phải nghiên cứu, áp dụng án lệ để giải quyết các vụ việc tương tự, bảo đảm những vụ việc có tình tiết, sự kiện pháp lý giống nhau phải được giải quyết như nhau”*. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP không còn quy định vụ việc sau phải có “tình tiết, sự kiện pháp lý giống nhau” nữa, mà chỉ cần đảm bảo vụ việc sau “có tình huống pháp lý tương tự”. Sự thay đổi trong cách quy định của Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP một mặt giúp cho việc áp dụng án lệ trên thực tế trở nên dễ dàng hơn, mặt khác tạo điều kiện thúc đẩy án lệ ở Việt Nam phát triển.

Qua tìm hiểu việc giải quyết một số tranh chấp tại VIAC, tác giả nhận thấy rằng Hội đồng trọng tài đã áp dụng án lệ khi vụ tranh chấp đó có hoàn cảnh pháp lý tương tự với tình huống pháp lý của án lệ. Có thể kể đến một số trường hợp viện dẫn án lệ số 08/2016/AL và án lệ số 09/2016/AL (hai án lệ phổ biến được áp dụng tại VIAC) như sau:

- Đối với án lệ số 08/2016/AL, tình huống án lệ đó là tranh chấp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về lãi suất cho vay mà

đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Hội đồng trọng tài đã áp dụng án lệ này để tính lãi đến phiên họp cuối cùng và tiếp tục tính lãi từ ngày tiếp theo¹⁴, vì tổ tụng trọng tài chỉ có một cấp xét xử, không chia ra cấp xét xử sơ thẩm hay phúc thẩm như tổ tụng toà án. Có thể thấy, “thời điểm xét xử sơ thẩm” và “thời điểm mở phiên họp giải quyết tranh chấp tại trọng tài” có cùng bản chất - đều là thời điểm đưa tranh chấp ra giải quyết. Ở đây, việc áp dụng án lệ của Hội đồng trọng tài là đối với vụ việc có “vấn đề pháp lý tương tự” và hướng áp dụng án lệ này là hoàn toàn thuyết phục.

- Đối với án lệ 09/2016/AL, có hai tình huống pháp lý được án lệ đề cập:

Tình huống án lệ 1: Hợp đồng mua bán hàng hoá bị vi phạm do bên bán không giao hoặc không giao đủ hàng cho bên mua, dẫn đến việc bên bán có nghĩa vụ hoàn trả số tiền ứng trước và tiền lãi do chậm thanh toán.

Tình huống án lệ 2: Hợp đồng mua bán hàng hoá có phát sinh nghĩa vụ trả tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại.

Tình huống mà án lệ số 09 đề cập là đối với hợp đồng mua bán hàng hoá, bên mua đã ứng tiền trước và bên bán đã nhận số tiền này. Nhưng trong một phán quyết của VIAC, án lệ 09 đã được VIAC vận dụng cho hoàn cảnh không phải là hợp đồng mua bán mà là hợp đồng thuê tài sản¹⁵. Bởi lẽ, trong hợp đồng thuê tài sản hay hợp đồng mua bán hàng hoá đều có việc một bên ứng tiền trước và bên còn lại nhận tiền ứng trước. Như vậy, việc áp dụng án lệ 09 cũng được trọng tài thực hiện khi thấy thoả điều kiện có “vấn đề pháp lý tương tự”.

Nhìn chung, việc áp dụng án lệ khi có

¹³ Đỗ Văn Đại, “Quy trình phát triển án lệ tại Việt Nam - Một số vướng mắc và giải pháp khắc phục”, <https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/portal/anle/chitietnghiencuu?dDocName=TAND171835>, truy cập ngày 14/11/2021.

¹⁴ Phán quyết trọng tài vụ kiện số 28/17 HCM của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ngày 17/6/2019 giữa nguyên đơn là Công ty Cổ phần G và Công ty TNHH S, tranh chấp hợp đồng tín dụng.

¹⁵ Phán quyết trọng tài vụ kiện số 86/16 HCM của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ngày 05/3/2020 giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần Trung Tâm Thương Mại N và TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Sản Xuất G.



“vấn đề pháp lý tương tự” của cơ quan trọng tài là tương thích với đường lối áp dụng án lệ của cơ quan Tòa án. Trong bản án số 02/2018/KDTM-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam về tranh chấp hợp đồng dịch vụ, Hội đồng xét xử đã viện dẫn và áp dụng án lệ số 09/2016/AL để tính lãi suất chậm thanh toán trong hợp đồng dịch vụ mà không phải là hợp đồng mua bán hàng hoá như tình huống của án lệ 09/2016/AL¹⁶. Hay trường hợp khác, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên đã áp dụng án lệ 08/2016/AL để tuyên buộc vợ chồng ông L và bà X phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho công ty TMHHMTV T, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm¹⁷. Trong trường hợp này, Tòa án cũng dựa vào sự tương tự về vấn đề pháp lý: có quan hệ hợp đồng tín dụng giữa ông L, bà X và công ty TMHHMTV T (công ty được phép hoạt động tín dụng), tương tự như quan hệ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Dược phẩm Kaoli của án lệ 08/2016/AL.

3. Kết luận và đề xuất

Ở Việt Nam, với sự thừa nhận chính thức là nguồn pháp luật và ngày càng được mở rộng số lượng, án lệ cũng đã mang lại nhiều vai trò, ý nghĩa quan trọng trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài: *thứ nhất*, án lệ là căn cứ xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh khi vấn đề tranh chấp không có hoặc có điều luật áp dụng nhưng chưa rõ ràng, do việc điều chỉnh, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

cần rất nhiều thời gian trong khi phải đối mặt với sự chuyển động không ngừng của đời sống kinh tế xã hội; *thứ hai*, đáp ứng nhu cầu giải quyết tranh chấp một cách nhanh gọn và hiệu quả đối với các bên lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, giúp các bên có được sự công bằng và thoả mãn trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ; *thứ ba*, phán quyết của trọng tài có cơ sở pháp lý vững chắc, tạo độ tin cậy, thuyết phục giúp gia tăng sự lựa chọn phương thức trọng tài trong giải quyết tranh chấp, qua đó chia sẻ gánh nặng với Tòa án.

Tuy nhiên, việc áp dụng án lệ trong đường lối giải quyết của trọng tài hiện cũng đang vấp phải nhiều tranh cãi bởi còn thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng, vững chắc điều chỉnh vấn đề này. Do đó, cần thiết sớm xây dựng những quy định mang tính nguyên tắc áp dụng án lệ trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và tăng cường các giải pháp nhằm đảm bảo việc vận dụng án lệ trong lĩnh vực này ngày càng phát triển và hiệu quả. Cụ thể:

Một là, cần bổ sung quy định minh thị về căn cứ áp dụng án lệ trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong pháp luật về trọng tài thương mại để có cơ sở pháp lý rõ ràng, do hiện nay vẫn còn nhiều tranh luận. Theo đó, việc áp dụng án lệ không chỉ diễn ra trong hoạt động xét xử của Tòa án mà còn có thể áp dụng trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, đảm bảo những vụ việc có tình huống pháp lý tương tự nhau được giải quyết giống nhau, nhằm thống nhất việc áp dụng pháp luật.

Hai là, cho phép công bố một phần phán quyết của trọng tài có liên quan đến áp dụng án lệ nếu các bên tranh chấp không phản đối, bởi lẽ, các phán quyết trọng tài hiện nay không công khai¹⁸ nên việc nghiên cứu, tham khảo

¹⁶ Xem thêm: <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-022018kdtmst-ngay-24012018-ve-tranh-chap-hop-dong-dich-vu-12096>, truy cập ngày 14/11/2021.

¹⁷ Xem thêm: <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-012018dsst-ngay-23052018-ve-tranh-chap-hop-dong-tin-dung-39500?id=39500>, truy cập ngày 14/11/2021.

¹⁸ Khoản 4 Điều 4 Luật TTTM năm 2010 quy định: “Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài được tiến hành không công khai, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác”.

đường lối áp dụng án lệ ở cơ quan trọng tài gặp nhiều khó khăn. Một số trung tâm trọng tài quốc tế như Trung tâm trọng tài Quốc tế Hồng Kông (HKIAC) và Trung tâm trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC) đều cho phép công khai một phần, trích dẫn hoặc tóm tắt phán quyết trọng tài đã lược bỏ tên của các bên tranh chấp nếu không bên nào phản đối¹⁹./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Mạnh Dũng, Nguyễn Thị Thu Trang, “Thực trạng sử dụng trọng tài thương mại tại Việt Nam - Một số giải pháp nâng cao sức hấp dẫn của trọng tài”.

<http://dzungsrt.com/wp-content/uploads/2015/03/20150831-Du-thao-Tham-Luan-tong-ket-thi-hanh-LTTTM-updated-clean.pdf>.

2. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), “Báo cáo thường niên năm 2020”, https://www.viac.vn/images/Resources/Annual-Reports/2020/VIAC_Bao-cao-thuong-nien-2020_VI.pdf.

3. Đỗ Văn Đại, “Quy trình phát triển án lệ tại Việt Nam - Một số vướng mắc và giải pháp khắc phục”, <https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/portal/anle/chitietnghiencuu?dDocName=TAND171835>.

¹⁹ Theo Điều 42.5 Quy tắc trọng tài năm 2013 của Trung tâm trọng tài Quốc tế Hồng Kông, Điều 28.10 Quy tắc trọng tài của Trung tâm trọng tài Quốc tế Singapore.

BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC THI HÀNH NGAY - MỘT SỐ KHÓ KHĂN TỪ THỰC TIỄN TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN

(Tiếp theo trang 24)

Bản là, bản án, quyết định không ghi rõ nội dung các khoản được thi hành ngay.

Trong thực tiễn, các Tòa án khi tuyên án thường chỉ tuyên các nghĩa vụ mà bị cáo hoặc đương sự phải thực hiện cụ thể như: nghĩa vụ cấp dưỡng, trả lương, trả công lao động, nghĩa vụ bồi thường tính mạng, sức khỏe..., tuy nhiên lại không ghi rõ các khoản thuộc diện được thi hành ngay. Dẫn đến khi tổ chức thi hành án đối với các khoản thuộc diện được thi hành ngay, cơ quan THADS còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, thậm chí phát sinh khiếu nại, tố cáo của đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với những trường hợp này.

Theo điểm c khoản 2 Điều 266 BLTTDS năm 2015 quy định về bản án sơ thẩm: “*Bản án gồm có phần mở đầu, phần nội dung vụ án và nhận định và phần quyết định của Tòa án, cụ thể như sau: (...) Trong phần quyết định phải ghi rõ các căn cứ pháp luật, quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải*

quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; Trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó”. Điểm g Khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 cũng quy định: “*Quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án. Trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì ghi rõ quyết định đó*”. Do đó, pháp luật THADS cũng nên bổ sung quy định rõ hơn nội dung tại Điều 2 Luật THADS về bản án, quyết định được thi hành: “*thi hành những khoản được bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nêu rõ là được thi hành ngay*”. Quy định như vậy sẽ phù hợp với quy định tại Điều 266 BLTTDS và tránh các hệ quả pháp lý phát sinh khi bản án sơ thẩm không nêu rõ “*được thi hành ngay*” nhưng cơ quan THADS vẫn tổ chức thi hành án ngay, sau đó cấp phúc thẩm sửa án, hủy án, dẫn đến các tranh chấp không đáng có./